

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, cập nhật chi tiết danh mục dự án đầu tư và phân bổ phần vốn phân bổ sau từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 – 2025) thực hiện các Dự án thành phần số 2, 4, 5, 6, 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung chỉ tiêu và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (phần vốn phân bổ sau) và cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Xét Tờ trình số 33 /TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, cập nhật chi tiết danh mục dự án đầu tư và phân bổ phần vốn phân bổ sau từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra số 33/BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 3 và Tiểu dự án 2 Dự án 10 tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số: 26/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; 41/NQ-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2022; 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023. Tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện từng Tiểu dự án thành phần không thay đổi sau điều chỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Cập nhật chi tiết danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021- 2025) thực hiện 02 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đầu tư từ Dự án thành phần số 1 thuộc Chương trình.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (số vốn chưa phân bổ) giai đoạn 05 năm (2021 – 2025) là 29.125 triệu đồng, để thực hiện Dự án Sắp xếp, bố trí, ổn định tái định cư buôn Nréch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn (Giai đoạn I), thuộc Dự án 2 của Chương trình.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp; chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung và số liệu trong các phụ lục đính kèm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc

triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười hai thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN 3, 10
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh						Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Điều chỉnh giảm (-)			Điều chỉnh tăng (+)						
		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		
			NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG SỐ	74,401	68,401	6,000	11,880	11,880	-	11,880	11,880	-	74,401	68,401	6,000	
I	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	37,306	34,306	3,000	4,850	4,850	-	4,850	4,850	-	37,306	34,306	3,000	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	37,306	34,306	3,000	4,850	4,850	-	4,850	4,850	-	37,306	34,306	3,000	
1	Cấp tỉnh	4,850	4,850	-	4,850	4,850	-	-	-	-	-	-	-	
1.1	Ban Dân tộc	4,850	4,850	-	4,850	4,850	-				-	-	-	
2	Cấp huyện	32,456	29,456	3,000	-	-	-	4,850	4,850	-	37,306	34,306	3,000	
2.1	Huyện Lắk	32,456	29,456	3,000				4,850	4,850	-	37,306	34,306	3,000	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh						Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Điều chỉnh giảm (-)			Điều chỉnh tăng (+)						
		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		
NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
II	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổ chức thực hiện Chương trình	37,095	34,095	3,000	7,030	7,030	-	7,030	7,030	-	37,095	34,095	3,000	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng đồng bào DTTS&MN	37,095	34,095	3,000	7,030	7,030	-	7,030	7,030	-	37,095	34,095	3,000	
1	Cấp tỉnh	7,211	7,211	-	7,030	7,030	-	4	4	-	185	185	-	
1.1	Ban Dân tộc	7,030	7,030	-	7,030	7,030	-				-	-	-	
1.2	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	181	181	-				4	4		185	185	-	
2	Cấp huyện	29,884	26,884	3,000	-	-	-	7,026	7,026	-	36,910	33,910	3,000	
2.1	Thành phố Buôn Ma Thuột	-	-	-				-			-	-	-	
2.2	Thị xã Buôn Hồ	36	36	-				9	9		45	45	-	
2.3	Huyện Ea H'leo	1,181	1,181	-				278	278		1,459	1,459	-	
2.4	Huyện Ea Súp	4,327	3,327	1,000				1,017	1,017		5,344	4,344	1,000	
2.5	Huyện Buôn Đôn	3,263	3,263	-				767	767		4,030	4,030	-	
2.6	Huyện Cư M'gar	36	36	-				9	9		45	45	-	
2.7	Huyện Krông Búk	631	631	-				148	148		779	779	-	
2.8	Huyện Krông Năng	2,218	2,218	-				521	521		2,739	2,739	-	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh						Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Điều chỉnh giảm (-)			Điều chỉnh tăng (+)						
		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		
			NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2.9	Huyện Ea Kar	3,291	3,291	-				773	773		4,064	4,064	-	
2.10	Huyện M'Drắk	4,372	3,372	1,000				1,028	1,028		5,400	4,400	1,000	
2.11	Huyện Krông Bông	3,795	3,795	-				893	893		4,688	4,688	-	
2.12	Huyện Krông Pắc	1,695	1,695	-				398	398		2,093	2,093	-	
2.13	Huyện Krông Ana	90	90	-				21	21		111	111	-	
2.14	Huyện Lắk	4,904	3,904	1,000				1,153	1,153		6,057	5,057	1,000	
2.15	Huyện Cư Kuin	45	45	-				11	11		56	56	-	

Phụ lục II

CẬP NHẬT CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẤP NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG THUỘC DỰ ÁN 1 CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Cơ chế đầu tư	Chủ đầu tư	Đơn vị dự kiến bàn giao quản lý vận hành sau đầu tư	Thời gian KC- HT	Hạng mục đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến			Kế hoạch vốn giai đoạn 2024-2025			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
									NSTW	NST		NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG CỘNG							2,342	1,712	630	2,342	1,712	630	
I	HUYỆN KRÔNG BÔNG													
1	Mở rộng hệ thống đường ống chính và đường ống hộ gia đình thuộc Công trình cấp nước sinh hoạt xã Cư Đrăm, huyện Krông Bông	Buôn Châm A và buôn Châm B, xã Cư Đrăm	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	2024 - 2025	Đường ống chính; đường ống đầu nối đến hộ gia đình; hệ thống đồng hồ; ... để dự kiến đầu nối cho khoảng 115 hộ dân.	2,342	1,712	630	2,342	1,712	630	
II	HUYỆN KRÔNG ANA													
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung buôn Kuốp, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	Buôn Kuốp, xã Dray Sáp	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	UBND xã Dray Sáp	2024 - 2025	Các hạng mục cải tạo, nâng cấp, mở rộng trong phạm vi số tiền 853 triệu đồng. Ưu tiên cho cải tạo, nâng cấp; sau đó mới tính toán mở rộng cho các điểm trường và phục vụ du lịch cộng đồng	853	853	-	853	853	-	

Phụ lục III

PHÂN BỐ CHI TIẾT PHẦN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỂ LẠI PHÂN BỐ SAU THỰC HIỆN DỰ ÁN 2 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Hình thức	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến			Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
							Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
								NSTW	NST		NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG SỐ						29,125	28,125	1,000	29,125	28,125	1,000	
1	Sắp xếp, bố trí, ổn định tái định cư buôn Nréch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn (Giai đoạn I)	Buôn Nréch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn	Tập trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	2024-2025	Sắp xếp, bố trí chỗ ở và điều kiện sinh hoạt thiết yếu cho khoảng 150 hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Bao gồm các hạng mục dự kiến đầu tư như sau: - Đền bù giải phóng mặt bằng khoảng 6,77 ha. - San lấp mặt bằng khu vực xây dựng khoảng 5,08 ha. - Về giao thông: Đầu tư 04 trục đường giao thông cấp B và cấp C, với chiều dài khoảng 1,125 km. Kết cấu mặt đường: BTXM. - Về giáo dục: Đầu tư 01 điểm trường mẫu giáo và hạ tầng kèm theo. - Về hệ thống cấp nước sinh hoạt: Xây dựng hệ thống đường ống cấp nước đầu nối vào đường ống dọc theo tỉnh lộ 1 của Công trình cấp nước xã Krông Na và đầu nối cho từng hộ dân. - Về hệ thống điện, trạm điện: Xây dựng trạm hạ áp từ đường dây dọc theo tỉnh lộ 1, 01 trạm biến áp và đầu nối cho từng hộ dân.	29,125	28,125	1,000	29,125	28,125	1,000	